

Số: 59/2017/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức giá tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám chữa bệnh trong một số trường hợp; Quyết định số 2126/QĐ-BYT ngày 26/5/2017 của Bộ Y tế về việc đính chính Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức giá tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám chữa bệnh trong một số trường hợp;

Xét Tờ trình số 4426/TTr-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 29/6/2017 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc

phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng theo Danh mục quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế (Phụ lục số 1, 2, 3 kèm theo).

2. Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chưa có trong Danh mục quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế và đã được xếp tương đương về kỹ thuật, chi phí của Bộ Y tế (Phụ lục số 4 kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 57/2012/NQ-HĐND ngày 11/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII về quy định mức giá một số dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh công lập do địa phương quản lý.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07/7/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2017.//

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh, VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo QN, TTTT;
- Lưu VT, VX3.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đạc

**BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Các loại dịch vụ	Mức giá thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
1	Bệnh viện hạng đặc biệt	39.000	
2	Bệnh viện hạng I	39.000	
3	Bệnh viện hạng II	35.000	
4	Bệnh viện hạng III	31.000	
5	Bệnh viện hạng IV/ Phòng khám đa khoa khu vực	29.000	
6	Trạm y tế xã	29.000	
7	Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; Chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh)	200.000	
8	Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X-quang)	120.000	
9	Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	120.000	
10	Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không kể xét nghiệm, X-quang)	350.000	